

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80 /2026/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy
đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của
Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia
phòng, chống ma túy đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2026 của
Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân
sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma
túy đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 147/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư
công và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 389/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 353/BC-PC ngày 28 tháng 7 năm*



2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là *Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố được giao quản lý, sử dụng vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây viết tắt là *Ủy ban nhân dân cấp xã*) và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp xã;

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thẩm định, phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán, kiểm tra, giám sát và đánh giá nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, đối tượng của Chương trình; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị cấp thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức thực hiện Chương trình.

3. Việc phân bổ vốn phải thực hiện trong phạm vi tổng mức vốn được cấp có thẩm quyền giao; không phân bổ bình quân, dàn trải; bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, tính chất của từng nguồn vốn; không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án và nguồn vốn khác.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các nhiệm vụ giảm cầu về ma túy; địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy; địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các địa bàn có yếu tố đặc thù trong công tác phòng, chống ma túy theo khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước



a) Đối với các cơ quan, đơn vị cấp thành phố chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình:

Hàng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, nội dung hoạt động, tính chất, quy mô và khối lượng công việc của từng dự án, tiểu dự án; mức độ cấp thiết; dự toán được lập theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành; kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ giải ngân, khả năng tổ chức thực hiện của từng cơ quan, đơn vị; khả năng cân đối ngân sách nhà nước và tổng mức vốn được cấp có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án phân bổ vốn cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

b) Đối với cấp xã:

Kết quả rà soát, đánh giá hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố về tuyển, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy theo Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định tuyển, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy, của năm liền kề trước năm ngân sách được sử dụng để xác định hệ số phân bổ cho năm ngân sách.

Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách xã, phường, đặc khu có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được sử dụng để xác định hệ số tăng thêm.

2. Hệ số phân bổ cho cấp xã (H)

a) H: Hệ số phân bổ cho cấp xã, trong đó: xã, phường, đặc khu trọng điểm về ma túy, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi $H = H_t$, cấp xã còn lại $H = H_g$.

b) Hệ số gốc (H_g):

Địa bàn cấp xã không ma túy: hệ số 1,0;

Địa bàn cấp xã trọng điểm phức tạp về ma túy loại III: hệ số 1,5;

Địa bàn cấp xã trọng điểm phức tạp về ma túy loại II: hệ số 2,0;

Địa bàn cấp xã trọng điểm phức tạp về ma túy loại I: hệ số 3,0.

c) Hệ số tăng thêm (H_t):

Xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy và có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần, được tính theo công thức:

$$H_t = H_g \times 1,5$$

Trong đó:

H_t : Hệ số tăng thêm của cấp xã;

H_g : Hệ số gốc.



Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Tổng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được phân bổ cho cấp thành phố và cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án, tiểu dự án Chương trình được Trung ương phân cấp cho thành phố, cấp xã thực hiện và tình hình thực tiễn trên địa bàn thành phố, quy định định mức phân bổ như sau:

a) Dự án 1 về Phòng ngừa, đấu tranh tội phạm về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia: Cấp thành phố thực hiện 100% kinh phí.

b) Dự án 2 về Ứng dụng khoa học và công nghệ trong phòng, chống ma túy: Không phân bổ kinh phí *(do Bộ Công an chủ trì thực hiện)*.

c) Dự án 3 về Nâng cao năng lực công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy của Bộ Quốc phòng: Không phân bổ kinh phí *(do Bộ Quốc phòng chủ trì thực hiện)*.

d) Dự án 4 về Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy ở cơ sở: Cấp xã thực hiện 100% kinh phí.

đ) Dự án 5 về Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy và quản lý sau cai: Cấp thành phố thực hiện 100% kinh phí.

e) Dự án 6 về Tăng cường đáp ứng y tế trong phòng, chống ma túy: Cấp thành phố thực hiện 100% kinh phí.

g) Dự án 7 về Truyền thông, giáo dục về phòng, chống ma túy, bao gồm 04 tiểu dự án:

Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 7 về Truyền thông về phòng, chống ma túy: Cấp thành phố thực hiện 100% kinh phí.

Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 7 về Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục phòng, chống ma túy ở cơ sở: Cấp thành phố thực hiện 30% kinh phí; cấp xã thực hiện 70% kinh phí.

Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 7 về Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên: Cấp thành phố thực hiện 30% kinh phí; cấp xã thực hiện 70% kinh phí.

Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 7 về Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy cho công nhân lao động các khu công nghiệp: Không phân bổ kinh phí *(do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì thực hiện)*.

h) Dự án 8 về Nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng về dịch vụ trợ giúp pháp lý chất lượng và giáo dục pháp luật trong phòng, chống ma túy: Cấp thành phố thực hiện 100% kinh phí.



i) Dự án 9 về Quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình: Cấp thành phố thực hiện 100% kinh phí.

3. Trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao, kinh phí được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp thành phố để thực hiện các nhiệm vụ của dự án, tiểu dự án; kinh phí Dự án 4, Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 7 của Chương trình phân bổ cho cấp xã theo tiêu chí, hệ số quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Công thức tính định mức phân bổ vốn ngân sách cho cấp xã đối với từng dự án, tiểu dự án như sau:

$$V = S \times \frac{H}{\sum H}$$

Trong đó:

V: Số vốn phân bổ cho cấp xã cụ thể đối với từng dự án, tiểu dự án;

S: Tổng số vốn được giao cho tất cả các xã, phường để thực hiện dự án hoặc tiểu dự án trong 01 năm;

H: Hệ số phân bổ cho cấp xã cụ thể (theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này);

$\sum H$: Tổng hệ số phân bổ của tất cả các xã, phường, đặc khu.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc do có cách hiểu, cách áp dụng khác nhau đối với cùng một quy định của Nghị quyết mà không làm thay đổi nội dung quy định, Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, hướng dẫn áp dụng Nghị quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc phát sinh yêu cầu từ thực tiễn làm cho nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm rà soát, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Nghị quyết theo thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Chỉ đạo bảo đảm cân đối tổng thể các nhiệm vụ giảm cung, giảm cầu và giảm tác hại theo mục tiêu của Chương trình, tránh việc ưu tiên một nhóm nhiệm vụ dẫn đến thiếu nguồn lực cho các nhiệm vụ bắt buộc khác. Hằng năm, phương án phân bổ cần thuyết minh rõ thứ tự ưu tiên và mức độ đáp ứng các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.



b) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của từng dự án, tiểu dự án, giao Công an thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện các dự án, tiểu dự án rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí hằng năm, gửi Sở Tài chính rà soát, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phân bổ dự toán kinh phí theo quy định.

c) Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đảm bảo đạt mục tiêu đề ra đến năm 2030;

d) Định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố kết quả thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Công an;
- Vụ pháp chế các Bộ: Công an, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND; UBNDTQVN thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Công an thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBNDTQVN các xã, phường;
- UBND đặc khu Hoàng Sa;
- Báo và PTTH Đà Nẵng; Trung tâm THVN (VTV8); Chuyên đề CA TPĐN; Cổng TTĐT thành phố; Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng

PHỐ ĐÀ